

Bản án số: 78/2025/DS-PT
Ngày 18 - 02 - 2025
“V/v: Tranh chấp chia thừa kế”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Thọ.

Các thẩm phán:

Ông Dương Anh Văn.

Ông Trần Ngọc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công K2i vụ án thụ lý số: 781/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp chia thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3510/2024/QĐPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Đoàn Thị M, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

1.2. Ông Đoàn Duy L, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Số 100/1C, khu vực x, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ; vắng mặt.

1.3. Bà Đoàn Thu R, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

1.4. Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 316, đường P, khóm X, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đoàn Ái N1, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 141/23, đường 30/4, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ (Theo các Văn bản ủy quyền ngày 10/10/2022 và 14/10/2022); có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Ái N1: Ông Sử Chí H, sinh năm 1956; Địa chỉ: Nhà không số, đường N, khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Theo Văn bản ủy quyền ngày 20/10/2022; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trịnh Hoàng K, Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Quyền Công Lý; Địa chỉ: Số B5-53, đường 20, KDC 586, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ; có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Đoàn Văn T7, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số 121B, đường L, khóm 1, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đoàn Văn T7: Ông Võ Hồng K1, Luật sư của Văn phòng Luật sư Thành Hưng thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Số 120, đường T, khóm X, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau; có mặt.

2.2. Ông Đoàn Kinh K2, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đoàn Đắc C (Đoàn Văn K3), sinh năm 1952; Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang; vắng mặt.

3.2. Ông Đoàn Thanh T, sinh năm 1954 (chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đoàn Thanh T:

3.2.1. Bà Quách Mỹ T1 (vợ ông Đoàn Thanh T); vắng mặt.

3.2.2. Chị Đoàn Thiên T2 (con ông Đoàn Thanh T); vắng mặt.

3.2.3. Chị Đoàn Mỹ T3 (con ông Đoàn Thanh T); vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 30^B, đường L, khóm X, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

3.3. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1973; vắng mặt.

3.4. Chị Đoàn Như H1, sinh năm 1999; vắng mặt.

3.5. Chị Đoàn Ngọc T4, sinh năm 2000; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau.

3.6. Bà Lê Thị Lệ A, sinh năm 1971; vắng mặt.

3.7. Anh Đoàn Như V, sinh năm 1989; vắng mặt.

3.8. Chị Đoàn Như H2, sinh năm 1992; vắng mặt.

3.9. Anh Đoàn Nguyên A1, sinh năm 2005; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 121B, đường L, khóm 1, phường X, thành phố X, tỉnh Cà Mau.

3.10. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Quốc T5- Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Cà Mau; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Lý Ru Bi-Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường UBND huyện C, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Đoàn Thị M, ông Đoàn Duy L, bà Đoàn Thu R, bà Đoàn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 3 năm 2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng cụ Đoàn Văn H3 (tên gọi khác: Chơn, chết năm 1984) và cụ Ngô Thị T6 (chết năm 2018) có tất cả 08 người con gồm: Đoàn Duy L, Đoàn Đắc C, Đoàn Thanh T (chết năm 2023, có vợ là bà Quách Mỹ T1 và 02 con là Đoàn Thiên T2 và Đoàn Mỹ T3), Đoàn Thị M, Đoàn Thị N, Đoàn Văn T7, Đoàn Thu R và Đoàn Kinh K2.

Sinh thời cụ H3 và cụ T6 có tạo lập được phần đất có tổng diện tích 24.268m² tại hai thửa thửa 354 và 355, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau. Phần đất trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 7.776m² đứng tên Đoàn Văn T7, phần diện tích còn lại chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng có tên trên Sổ mục kê đất đai năm 1994. cụ H3 và cụ T6 chết không để lại di chúc.

Ngày 01/3/2005, khi cụ T6 bị bệnh hay quên nên ông T7 tự ý đi đăng ký làm thủ tục và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00340 đối với phần đất diện tích 7.776m² thuộc thửa 31, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau nằm trong phần diện tích 24.268m² đất là di sản của cụ H3 và cụ T6 để lại chưa được phân chia cho các đồng thừa kế.

Nay các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00340 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp vào ngày 01/03/2005 đứng tên Đoàn Văn T7 đối với phần đất diện tích 7.776m² thuộc thửa 31, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Chia thừa kế đối với di sản của cụ H3 và cụ T6 chết để lại là phần diện tích 24.268m² đất bao gồm 11.940m² và 12.320m² thuộc các thửa 354 và 355, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau theo Biên bản họp gia đình ngày 10/12/2022, cụ thể:

- Bà Đoàn Thị M nhận diện tích đất 1.440m² (ngang 10m x dài 144m) có tứ cận: Phía đông giáp phần đất bà Ngô Thị Thọ; Phía Tây giáp lộ giao thông; Phía Nam giáp phần đất bà Đoàn Thu R; Phía Bắc giáp phần đất bà Đoàn Thị N.

- Bà Đoàn Thị N nhận diện tích đất 1.440m² (ngang 10m x dài 144m) có tứ cận: Phía đông giáp phần đất bà Ngô Thị Thọ; Phía Tây giáp lộ giao thông; Phía Nam giáp phần đất bà Đoàn Thị M; Phía Bắc giáp phần đất ông Đoàn Đắc C.

- Bà Đoàn Thu R nhận diện tích đất 1.440m² (ngang 10m x dài 144m) có tứ cận: Phía đông giáp phần đất bà Ngô Thị Thọ; Phía Tây giáp lộ giao thông; Phía Nam giáp phần đất ông Đoàn Kinh K2; Phía Bắc giáp phần đất bà Đoàn Thị M.

- Ông Đoàn Duy L nhận diện tích đất 3.456m² (ngang 24m x dài 144m) có tứ cận: Phía đông giáp phần đất bà Ngô Thị Thọ; Phía Tây giáp lộ giao thông; Phía Nam giáp phần đất bà Ngô Thị Thọ; Phía Bắc giáp phần đất bà Đoàn Thu R.

- Ông Đoàn Kinh K2 nhận diện tích đất 4.172m² (ngang 28,9m x dài 144m) có tứ cận: Phía đông giáp phần đất bà Ngô Thị Thọ; Phía Tây giáp lộ giao thông; Phía Nam giáp phần đất bà Ngô Thị Thọ; Phía Bắc giáp phần đất bà Đoàn Thu R.

- Ông Đoàn Văn T7 không nhận theo phân chia trong gia tộc.

- Ông Đoàn Thanh T, Đoàn Đắc C có văn bản từ chối không nhận di sản.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với phần diện tích đất chia thừa kế và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần đất ông K2 đang quản lý, cụ thể các nguyên đơn yêu cầu:

1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00340 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp vào ngày 01/03/2005 đứng tên Đoàn Văn T7 đối với phần đất diện tích 7.776m² thuộc thửa 31, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Các nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần đất do ông K2 đang quản lý chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (diện tích 24.268m² trừ đi phần đất đã được cấp quyền sử dụng đất đứng tên Đoàn Văn T7 với diện tích 7.776m²), các nguyên đơn chỉ yêu cầu chia thừa kế phần đất 7.776m² (đã được cấp giấy chứng nhận cho ông T7), theo đo đạc thực tế diện tích là 6.431,6 m² cụ thể:

- Bà Đoàn Thị M nhận diện tích đất 1.269,75m² (ngang mặt tiền 11m x dài 126,975m x ngang mặt hậu 9m) có tứ cận: Phía đông giáp phần đất bà Ngô Thị Thọ; Phía Tây giáp lộ giao thông; Phía Nam giáp phần đất bà Đoàn Thu R; Phía Bắc giáp phần đất bà Đoàn Thị N.

- Bà Đoàn Thị N nhận diện tích đất 1.269,75m² (ngang mặt tiền 11m x dài 126,975m x ngang mặt hậu 9m) có tứ cận: Phía đông giáp phần đất bà Ngô Thị Thọ; Phía Tây giáp lộ giao thông; Phía Nam giáp phần đất bà Đoàn Thị M; Phía Bắc giáp phần đất ông Đoàn Đắc C.

- Bà Đoàn Thu R nhận diện tích đất 1.269,75m² (ngang mặt tiền 11m x dài 126,975m x ngang mặt hậu 9m) có tứ cận: Phía đông giáp phần đất bà Ngô Thị Thọ; Phía Tây giáp lộ giao thông; Phía Nam giáp phần đất ông Đoàn Kinh K2; Phía Bắc giáp phần đất bà Đoàn Thị M.

- Ông Đoàn Duy L nhận diện tích đất 3.015,007m² (ngang mặt tiền 27,6m x dài 126,975m x ngang mặt hậu 23,04m) có tứ cận: Phía đông giáp phần đất bà Ngô Thị Thọ; Phía Tây giáp lộ giao thông; Phía Nam giáp phần đất bà Ngô Thị Thọ; Phía Bắc giáp phần đất bà Đoàn Thu R.

- Ông Đoàn Văn T7 không nhận theo phân chia trong gia tộc.
- Ông Đoàn Thanh T, Đoàn Đắc C có văn bản từ chối không nhận di sản.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đoàn Văn T7 trình bày:

Cha mẹ ông là cụ Đoàn Văn H3 (Chọn) chết năm 1984 và cụ Ngô Thị T6 (chết năm 2018). cụ H3 và cụ T6 có tất cả 08 người con gồm có: Đoàn Duy L, Đoàn Đắc C, Đoàn Thanh T (đã chết năm 2023), Đoàn Thị M, Đoàn Thị N, Đoàn Văn T7, Đoàn Thu R và Đoàn Kinh K2. Ông Đoàn Thanh T có vợ là bà Quách Mỹ T1, và các con là Đoàn Thiên T2 và Đoàn Mỹ T3.

Sinh thời hai cụ có tạo lập được các phần đất:

- Phần đất thứ nhất có tổng diện tích 24.268m², thuộc các thửa 354 và 355, tờ bản đồ số 03, (bao gồm 11.940m² và 12.320m²) tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau. Năm 1984 ông được cha mẹ ông cho phần đất diện tích 7.776m², ông đã nhận đất quản lý, cất nhà trồng cây trên đất từ năm 1984 đến năm 1994, ông điều chuyển công tác nên ông chuyển nhà đi nhưng ông vẫn thường xuyên về nhà thăm mẹ và quản lý đất, phần đất này ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần còn lại cha mẹ ông cho ông Đoàn Đắc C (Khoa) một phần, hiện nay ông C đang quản lý và đã được cấp quyền sử dụng đất. Phần đất còn lại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng cha mẹ ông đã thống nhất cho em ông là Đoàn Kinh K2, hiện tại ông K2 đang quản lý.

- Phần đất thứ hai tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau, có tổng diện tích khoảng 20 công tầm lớn (không nhớ chính xác diện tích). Phần đất này đã được phân chia cho 4 anh em gồm: ông Đoàn Duy L, ông Đoàn Đắc C, Đoàn Thanh T, Đoàn Văn T7. Phần đất ông C được nhận ông C đã chuyển nhượng cho người khác; còn các ông L, T, T7 đang quản lý sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T7 được cấp giấy với diện tích 6.269.1m² vào năm 2020. Phần đất này các đương sự không yêu cầu chia thừa kế.

Cha mẹ ông chết không để lại di chúc nhưng có lập “Tờ Phân Khai” để chia đất cho các con và các anh em của ông đã nhận đất đúng theo Tờ Phân Khai nêu trên. Nay các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia phần đất của ông thì ông không đồng ý. Các các anh em ai cũng đã có phần nhận đất đúng theo ý chỉ của cha mẹ ông để lại.

Quá trình giải quyết vụ án ông Đoàn Kinh K2 trình bày:

Ông đang quản lý phần đất do cha mẹ để lại chưa được cấp quyền sử dụng đất có diện tích 18915,7m² và phần đất diện tích 7.776m² của ông T7 đã được cấp quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau. Đối với phần đất ông T7 được cấp quyền sử dụng đất thì ông không tranh chấp, nếu anh em nào xác nhận cho ông làm quyền sử dụng đất thì ông giao đất cho người đó. Nếu anh em nào không ký xác nhận cho ông thì không giao đất cho người đó.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:

Tại Công văn số 2835/UBND ngày 09/7/2024 về việc cung cấp thông tin theo công văn số 168/CV – TA ngày 11/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà

Mau đã xác định hộ ông Đoàn Văn T7 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSD) số AC 133511 ngày 01/3/2005, cấp cho hộ ông Đoàn Văn T7, phần đất thuộc thửa số 31, tờ bản đồ số 08 (bản đồ 2003) có diện tích 7.776m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện C, Cà Mau. Qua rà soát hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đúng theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy chứng nhận.

Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 34, 37, 157, 165, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 100, 203 Luật đất đai; Điều 609, 610, 612 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Đoàn Thị M, ông Đoàn Duy L, bà Đoàn Thu R, bà Đoàn Thị N về việc yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất do ông Đoàn Kinh K2 đang quản lý chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (diện tích 24.268m² trừ phần đất đã được cấp Quyền sử dụng đất do ông Đoàn Văn T7 đứng tên diện tích là 7.776m²) đất tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Đoàn Thị M, ông Đoàn Duy L, bà Đoàn Thu R, bà Đoàn Thị N về việc yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất 7.776m², theo đo đạc thực tế diện tích là 6.431,6 m², thuộc thửa số 31, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/3/2005 đứng tên hộ ông Đoàn Văn T7.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 13/9/2024, nguyên đơn bà Đoàn Thị M, ông Đoàn Duy L, bà Đoàn Thu R, bà Đoàn Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy bản án sơ thẩm trả hồ sơ về cho Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trình bày:* Vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm trả hồ sơ về cho Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử lại. Lý do kháng cáo: Về nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ H3 và cụ T6 tạo lập được, cụ H3 và cụ T6 đã chết không để lại di chúc. ông T7 tự ý đăng ký cấp giấy chứng nhận QSD đất không được sự đồng ý của các anh em trong gia đình. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đầy đủ, khách quan các tài liệu, chứng cứ thông tin mà nguyên đơn cung cấp, không thu thập làm rõ những tình tiết mâu thuẫn. Lời khai của bị đơn có dấu hiệu lừa dối, còn nhiều mâu thuẫn. ông T7 có tình gian dối lập

không từ phân khai, giả mạo chữ ký của cụ T6 để hợp thức hóa làm thủ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là di sản của cụ T6 chết để lại chưa chia.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông T7 trình bày:* Vẫn giữ nguyên các lời khai đã trình bày tại giai đoạn sơ thẩm, không bổ sung gì thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: việc chấp hành pháp luật trong quá trình xét xử phúc thẩm của Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Nguyên đơn bà Đoàn Thị M, ông Đoàn Duy L, bà Đoàn Thu R, bà Đoàn Thị N kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm và buộc các đương sự phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Đoàn Thị M, ông Đoàn Duy L, bà Đoàn Thu R, bà Đoàn Thị N làm trong hạn luật định và phù hợp về hình thức, đủ điều kiện để vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự không cung cấp thêm chứng cứ mới và cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Các bên đương sự thống nhất về đối tượng mà các bên đương sự có tranh chấp là yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất mà ông T7 được cấp quyền sử dụng đất diện tích 7.776m², theo đo đạc thực tế diện tích là 6.431,6 m², tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau.

[4] Về nguồn gốc các thửa đất:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất xác định thửa đất nêu tại mục [3] có nguồn gốc như sau:

Cụ Đoàn Văn H3 (Chơn, chết năm 1984) và cụ Ngô Thị T6 (chết năm 2018) khi còn sống các cụ có tạo lập được hai phần đất tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau và ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau, cụ thể:

Đối với phần đất tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau, có tổng diện tích hơn 20 công tằm lớn (không nhớ chính xác diện tích). Phần đất này đã được

phân chia cho: ông Đoàn Duy L, ông Đoàn Đắc C, ông Đoàn Thanh T, ông Đoàn Văn T7. Các ông cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể ông T7 được cấp giấy chứng nhận năm 2020 với diện tích 6.269.1m²; phần đất ông C được nhận ông C đã chuyển nhượng cho người khác không nhớ diện tích bao nhiêu; các ông T7, ông L, ông T đang quản lý, sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với phần đất diện tích 24.268m², thuộc các thửa 354 và 355, tờ bản đồ số 03, (bao gồm 11.940m² và 12.320m²) tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau, được chia cho ông T7 phần đất diện tích 7.776m², ông K3 (ông C) diện tích 5.116m² và ông K2 4.752m² đất vườn và 12.689m² đất ruộng. Thực tế, phần đất trên ông K3 (Củ), ông T7 và ông K2 đã quản lý sử dụng, trong đó ông Khoa (Củ) và ông T7 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông K2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. ông K2 xác định ông K3 (Củ) quản lý phần đất hơn 5.000m², ông K2 quản lý phần đất còn lại.

[5] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Đoàn Thị M, ông Đoàn Duy L, bà Đoàn Thu R, bà Đoàn Thị N thấy rằng:

Đối với đất tranh chấp diện tích 7.776m² theo đo đạc thực tế diện tích là 6.431,6 m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đoàn Văn T7 năm 2005. Phần diện tích đất này ông T7 đã được cha mẹ tặng cho từ năm 1984, ông T7 quản lý sử dụng phần đất từ khi được cho đất đến khi ông T7 chuyển công tác nên phải chuyển nhà vào năm 1994. Trên đất ông T7 có cất nhà, nâng nền, khoan cây nước, trồng cây, nuôi cá, sử dụng ổn định từ đó cho đến nay.

Đối với “Tờ Phân Khai” các nguyên đơn bà Đoàn Thị M, ông Đoàn Duy L, bà Đoàn Thu R, bà Đoàn Thị N cho rằng ông T7 cố tình gian dối lập không tờ phân khai, giả mạo chữ ký của cụ T6 để hợp thức hóa làm thủ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là di sản của cụ T6 chết để lại. Tuy nhiên, ngoài diện tích đất mà ông T7 được nhận thì ông Đoàn Đắc C (K) cũng được tặng cho một phần diện tích, hiện nay ông C đang quản lý và đã được cấp quyền sử dụng đất. Phần diện tích còn lại ông là Đoàn Kinh K2, đang quản lý cũng do cha mẹ tặng cho, hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc ông C, ông K2 đang quản lý, sử dụng phần diện tích như trên là đúng theo nội dung của “tờ phân khai”. Diện tích đất 7.776m², theo đo đạc thực tế diện tích là 6.431,6 m² đã được ông T7 sử dụng công K2i, ổn định và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2005, các nguyên đơn biết nhưng không có ý kiến gì. Như vậy, ngoài lời trình bày của các nguyên đơn bà M, ông L, bà R, bà N cho rằng “Tờ Phân Khai” là không hợp pháp, thì các ông, bà không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của các ông, bà là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở chấp nhận.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự có kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí

Tòa án. Tuy nhiên, bà M, ông L, bà R, bà N là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đoàn Thị M, ông Đoàn Duy L, bà Đoàn Thu R, bà Đoàn Thị N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Áp dụng các Điều 26, 34, 37, 157, 165, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 100, 203 Luật đất đai; Các Điều 609, 610, 612 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Đoàn Thị M, ông Đoàn Duy L, bà Đoàn Thu R, bà Đoàn Thị N về yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất do ông Đoàn Kinh K2 đang quản lý chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (diện tích 24.268m² trừ phần đất đã được cấp Quyền sử dụng đất do ông Đoàn Văn T7 đứng tên diện tích là 7.776m²) đất tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Đoàn Thị M, ông Đoàn Duy L, bà Đoàn Thu R, bà Đoàn Thị N về yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất 7.776m², theo đo đạc thực tế diện tích là 6.431,6 m², thuộc thửa số 31, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/3/2005 đứng tên hộ ông Đoàn Văn T7.

3. Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc: 6.896.000 đồng; Chi phí định giá: 11.900.000 đồng. Các nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng, các nguyên đơn đã nộp tạm ứng, đối chiếu và thanh toán xong.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đoàn Duy L, bà Đoàn Thị M, bà Đoàn Thị N, bà Đoàn Thu R được miễn toàn bộ án phí. Ngày 06 tháng 12 năm 2023, bà R đã nộp tạm ứng án phí số tiền 10.640.000 đồng (theo lai thu số 0027) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được nhận lại.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Đoàn Duy L, bà Đoàn Thị M, bà Đoàn Thị N, bà Đoàn Thu R được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Cà Mau(1);
- VKSND tỉnh Cà Mau (1);
- Cục THADS tỉnh Cà Mau (1);
- Các đương sự;
- Lưu VP , lưu hồ sơ, 32b, PMT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đức Thọ